

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/DS-ST.

Ngày: 26/12/2022

V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán theo hợp đồng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến.
2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2022/DSST ngày 16 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022 cùng các bản khai và tự khai của nguyên đơn là anh Bùi Văn S và các tài liệu có trong hồ sơ được nguyên đơn cung cấp thì vụ án có nội dung như sau:

Anh và vợ chồng chị N, anh C quan hệ với nhau trong việc kinh doanh từ năm 2020, anh trực tiếp sản xuất phôi gỗ cung cấp cho chị N anh C để làm hàng nội thất. Anh và chị N có thỏa thuận miệng với nhau việc giao nhận hàng và thanh toán theo từng chuyến, có lần thì chị N thanh toán bằng tiền mặt, có lần thì chuyển khoản, chuyến nào chưa thanh toán được thì ghi vào sổ, hai bên ký nhận thanh toán sau. Trong khoảng thời gian từ ngày 25/4/2020 đến ngày 20/5/2020 anh đã giao hàng cho vợ chồng chị N tổng số phôi gỗ trị giá là 126.600.000đ, đến ngày 06/4/2021 vợ chồng chị N mới thanh toán cho anh được 3 đợt với tổng số tiền là 80.000.000đ, còn nợ lại 46.600.000đ. Anh đã nhiều lần đến nhà chị N, anh C để yêu cầu thanh toán nhưng chị N anh C không chịu thanh toán. Nay anh làm đơn đề nghị Tòa án yêu cầu vợ chồng chị N, anh C phải thanh toán ngay cho anh số tiền trên, còn tiền lãi anh không yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 của chị Nguyễn Thị N là bị đơn và anh Nguyễn Đình C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày thì: Chị N anh C là vợ chồng với nhau, anh chị quen biết anh S trong việc làm ăn kinh doanh, anh chị kinh doanh đồ gỗ nội thất nên thường xuyên mua phôi gỗ của anh S để làm đồ. Cách đây khoảng 3, 4 năm, anh chị cứ lấy hàng về rồi trả tiền sau, những năm đầu vẫn trả tiền đầy đủ cho anh S, ngày 30/5/2020 hai bên có chốt sổ vợ chồng anh chị còn nợ anh S là 126.600.000đ, sau đó vợ chồng chị đã trả cho anh S được 80.000.000đ chia làm 3 đợt, ngày tháng cụ thể anh chị không nhớ. Anh chị thừa nhận đến nay còn nợ lại anh S 46.600.000đ. Nhưng do làm ăn thua lỗ anh chị chưa thanh toán nốt cho anh S được, hiện tại anh chị đang khó khăn về kinh tế nên xin trả dần cho anh S mỗi năm 5.000.000đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải thanh toán trả ngay số tiền 46.600.000 đồng (*bốn sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*). Còn tiền lãi không yêu cầu.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày do công việc bận, anh chị không đến Tòa được và xin vắng mặt tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26; 35; 39; 144; 147; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 357, 430, 433, 434, 440

Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Bị đơn là chị Nguyễn Thị N có địa chỉ tại xã Ph, huyện TT, Thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh C theo quy định.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 46.600.000 đồng còn nợ, phía bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị N và anh C thừa nhận, nhiều lần có mua phôi gỗ của anh S từ năm 2020, hiện tại còn nợ số tiền trên. Nhưng do kinh tế khó khăn nên không có khả năng thanh toán trả 01 lần và xin được trả dần. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh, được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy anh S yêu cầu vợ chồng chị N phải thanh toán trả cho anh là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét việc chị N anh C xin trả dần mỗi năm 5.000.000đ. Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì phía nguyên đơn không đồng ý và việc xem xét thời gian và điều kiện thi hành là thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc.

Trả lại anh Bùi Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; các Điều 144; 147; 227; 228; 271; 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 357, 430, 433, 434, 440 và khoản 2 Điều 468 của

Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình C phải thanh toán trả anh Bùi Văn S số tiền còn nợ là: 46.600.000 đồng (*bốn sáu triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Bùi Văn S có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Đình C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là 2.230.000đ (*hai triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả anh Bùi Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000đ (*một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Theo biên lai thu số AA/2020/0025686 ngày 16/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu HSVA.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Thiết

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa